

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025 THÔN HOÀNG VÂN

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác (từ 300m2 trở lên)							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Thị Lân				300					300		450,000
2	Nguyễn Trung Quang				500					500		750,000
3	Phan Thị Lương				500					500		750,000
4	Phan Thị Lý				600					600		900,000
5	Vô Văn Hóa				330					330		495,000
6	Nguyễn Văn Hoàn				330					330		495,000
7	Phan Viết Tuấn				330					330		495,000
8	Nguyễn Trọng Đàm				300					300		450,000
9	Phan Viết Hiền				300					300		450,000
10	Nguyễn Văn Hương				300					300		450,000
11	Đặng Thị Liên				600					600		900,000
12	Nguyễn Văn Toàn	530		530	1,000					1000		1,765,000
13	Đặng Thị Bảo	300		300	300					300		600,000
14	Nguyễn Thị Thảo	1800		1800	300					300		1,350,000
15	Nguyễn Trọng Hiến	800		800	300					300		850,000
16	Nguyễn Vĩnh Nhu	600		600	330					330		795,000
17	Nguyễn Văn Mao	0			350					350		525,000
18	Nguyễn Văn Dũng	721		721	500					500		1,110,500
19	Nguyễn Văn Như	2400		2400	300					300		1,650,000
20	Lê Thị Thanh	900		900	700					700		1,500,000

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác (từ 300m2 trở lên)							Kinh phí hỗ trợ (đồng)
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó						
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích			
21	Nguyễn Văn Sửu	300		300	300					300		600,000
22	Phan Thị Khương				300					300		450,000
23	Nguyễn Văn Huân				500					500		750,000
24	Nguyễn Văn Hạ				330					330		495,000
25	Nguyễn Trọng Hoán	500		500	500					500		1,000,000
26	Nguyễn Ngọc Hiếu	1000		1000	500					500		1,250,000
27	Nguyễn Văn Hòa	530		530	1,000					1000		1,765,000
28	Phan Thị Hồng	500		500	-							250,000
29	Nguyễn Văn Tân	500		500	-							250,000
30	Nguyễn Hồng Kháng	1500		1500	-							750,000
31	Nguyễn Văn Mạo	1000		1000	350					350		1,025,000
32	Phan Thị Nga	500		500	-							250,000
33	Phan Ngọc Tin	500		500	-							250,000
34	Nguyễn Trọng Huệ	330		330	-							165,000
35	Phan Văn Thuần	1500		1500	-							750,000
36	Nguyễn Thị Linh	443		443	330					330		716,500
37	Nguyễn Văn Cương	730		730	-							365,000
38	Nguyễn Văn Ngoan	0			500					500		750,000
39	Nguyễn Thị An	500		500	300					300		700,000
40	Nguyễn Văn Tịnh	1200		1200	-							600,000
41	Nguyễn Thị Minh	330		330	500					500		915,000
42	Phan Quốc Lan	500		500	-							250,000
43	Đặng Quốc Quyền	500		500	-							250,000
44	Bùi Thị Minh	300		300	-							150,000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)			Cây hằng năm khác (từ 300m2 trở lên)							Kinh phí hỗ trợ (đồng)	
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	trong đó		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó							
						Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)			
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		
45	Nguyễn Thị Thu Hà	1700		1700	-								850,000
46	Phan Ngọc Tam	1500		1500	-								750,000
47	Nguyễn Trọng Tiến	2600		2600	-								1,300,000
48	Nguyễn Trọng Lự	500		500	-								250,000
49	Phan Ngọc Trung	830		830	-								415,000
50	Nguyễn Văn Pháp	800		800	-								400,000
51	Nguyễn Trọng Biểu	1100		1100	-								550,000
52	Phan Ngọc Giáp	650		650	-								325,000
53	Phan Thị Thái	600		600	-								300,000
54	Nguyễn Thị Quyên	500		500	-								250,000
55	Nguyễn Trọng Tá	650		650	500					500			1,075,000
56	Nguyễn Trọng Hải	2150		2150	-								1,075,000
57	Nguyễn Văn Tùng	665		665	-								332,500
58	Nguyễn Thị Đuê	333		333	-								166,500
	TỔNG CỘNG	35,792	-	35,792	14,380	-	-	-	-	14,380	-		39,466,000